

Số: ...157.5.../CV-ACBS.26

TP. HCM, ngày 27 tháng 8 năm 2026

No: ...157.5.../CV-ACBS.26

HCMC, August 27, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission of Vietnam;
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Exchange;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange;
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ Hochiminh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Name of organization: ACB Securities Company

- Mã thành viên/ Broker code: 006

- Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, HCMC

- Điện thoại: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

Telephone: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

- E-mail: cbtt@acbs.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố Báo cáo kết quả đợt chào bán trái phiếu ra công chúng lần 1 năm 2026 (Đợt 1).

ACB Securities Company Limited (ACBS) announces Report on the results of the public offering of bonds in 2026 (Tranche 1).

Chi tiết theo file đính kèm/ Details in attached file.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/8/2026 tại đường dẫn <http://acbs.com.vn>.

This information was published on the company's website on August 27, 2026, as in the link <http://acbs.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin
công bố/ *Documents on disclosed
information.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được UQ CBTT

Person authorized to disclose information

Giám đốc Nhân sự

Chief Human Resources Officer 



Võ Đình Nam

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
ACB SECURITIES COMPANY
Số / No: 156.4/CN-ACBS.26

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

TP.HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2026
Ho Chi Minh City, date 26. month 08 year 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
REPORT ON THE RESULTS OF THE PUBLIC OFFERING OF BONDS

(theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 320/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/06/2026)
(pursuant to the Certificate of Registration for Public Offering of Bonds No. 320/GCN-UBCK issued
by the Chairman of the State Securities Commission on June 30, 2026)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
To: State Securities Commission

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành / Introduction to the Issuer

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
1. Issuer Name (full): ACB SECURITIES COMPANY
- Tên viết tắt: ACBS
2. Short name: ACBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
3. Head Office Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City
- Số điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751 Website: www.acbs.com.vn
4. Tel: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751 Website: www.acbs.com.vn
- Vốn điều lệ: 11.000.000.000.000 đồng.
5. Charter capital: VND 11,000,000,000,000.
- Mã cổ phiếu (nếu có): Không
6. Stock code (if any): None
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Lê Ngô Cát
Số hiệu tài khoản: 1163999
7. Place for opening payment account: Asia Commercial Bank – Le Ngo Cat Branch
Account No.: 1163999
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0302030508 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/06/2000, cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 08/06/2026 bởi Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.



Handwritten signature

8. Business Registration Certificate code 0302030508 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on June 29, 2000, with the 20th amendment registered on June 8, 2026 by the Department of Finance of Ho Chi Minh City.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Môi giới chứng khoán.

- Primary business line: Securities brokerage.

- Mã ngành: 6612

- Industry code: 6612

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

- Main products/Services:

- Môi giới chứng khoán/ Stockbroker
- Tự doanh chứng khoán/ Securities trading
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán/ Underwriting of securities
- Tư vấn đầu tư chứng khoán/ Stock investment consulting

9. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): 06/GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 29/06/2000 và điều chỉnh lần gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 29/05/2026.

9. Securities Business Operation License (if any according to specialized laws): 06/GPHĐKD issued by the State Securities Commission for the first time on June 29, 2000 and amended licenses, most recently amended according to Amendment License No. 62/GPĐC-UBCK dated May 29, 2026.

II. Phương án chào bán / Offering plan

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu ACBS phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026 (Đợt 1).

1. Bond name: The first public offering of ACBS bonds in 2026 (Tranche 1).

2. Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có đảm bảo.

2. Type of bonds: The bonds are non-convertible, without warrants, unsecured.

3. Mã trái phiếu: Sẽ được Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định hiện hành sau khi Công ty TNHH Chứng khoán ACB hoàn tất đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký tập trung tại VSDC

3. Bond code: Will be issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) in accordance with current regulations after ACB Securities Company completes the offering and carries out centralized registration procedures at VSDC.

4. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/trái phiếu.

4. Par value of the Bond: 100,000 (One hundred thousand) VND/bond.

5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 10.000.000 (Mười triệu) trái phiếu.

5. Total number of bonds offered: 10,000,000 (Ten million) bonds.

STT No.	Nhóm trái phiếu Bond group	Đợt 1 Tranche 1	Số lượng trái phiếu Number of bonds
1	Nhóm 1 năm 1-year group	ACBS-1.1	3.000.000 3,000,000
2	Nhóm 2 năm 2-year group	ACBS-2.1	3.000.000 3,000,000
3	Nhóm 3 năm 3-year group	ACBS-3.1	4.000.000 4,000,000

Trường hợp Đợt 1 chưa phát hành hết khối lượng chào bán như dự kiến thì phần bán chưa hết sẽ được hủy.
In the event that the total volume of bonds offered under Tranche 1 is not fully distributed as planned, the undistributed portion shall be cancelled.

6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán (theo mệnh giá): 1.000.000.000.000 (Một nghìn tỷ) đồng.

6. Total value of bonds offered (at par value): VND 1,000,000,000,000 (One trillion).

STT No.	Nhóm trái phiếu Bond group	Đợt 1 Tranche 1	Tổng giá trị trái phiếu Total value of bonds
1	Nhóm 1 năm 1-year group	ACBS-1.1	300.000.000.000 300,000,000,000
2	Nhóm 2 năm 2-year group	ACBS-2.1	300.000.000.000 300,000,000,000
3	Nhóm 3 năm 3-year group	ACBS-3.1	400.000.000.000 400,000,000,000

Trường hợp Đợt 1 chưa phát hành hết khối lượng chào bán như dự kiến thì phần bán chưa hết sẽ được hủy.
In the event that the total volume of bonds offered under Tranche 1 is not fully distributed as planned, the undistributed portion shall be cancelled.

7. Giá chào bán: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/trái phiếu.

7. Offering price: 100,000 (One hundred thousand) VND/bond.

8. Lãi suất: Trái phiếu có lãi suất cố định tùy thuộc vào kỳ hạn của trái phiếu, cụ thể như sau:

8. Interest: The bonds have a fixed interest rate depending on the term of the bond, specifically as follows:

STT No.	Nhóm trái phiếu Bond group	Đợt 1 Tranche 1	Lãi suất tham chiếu (%/năm) Reference rate (%/year)	Biên độ (%/năm) Margin (%/year)	Lãi suất áp dụng (%/năm) Applicable rate (%/year)
1	Nhóm 1 năm 1-year group	ACBS-1.1	5,9 5.9	2,3 2.3	8,2 8.2
2	Nhóm 2 năm 2-year group	ACBS-2.1	5,9 5.9	2,5 2.5	8,4 8.4
3	Nhóm 3 năm 3-year group	ACBS-3.1	5,9 5.9	2,7 2.7	8,6 8.6

9. Kỳ hạn trái phiếu: 01 năm, 02 năm và 03 năm.

9. Tenor of bonds: 1 year, 2 years, and 3 years

Uhu

10. Kỳ trả lãi: Trả sau, định kỳ 12 (Mười hai) tháng một lần.

10. Interest payment period: Interest is paid in arrears, periodically once every 12 (Twelve) months.

11. Phương thức phân phối: Bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư mua trái phiếu thông qua Hội sở, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của ACBS.

11. Distribution method: Direct sale to investors purchasing bonds through ACBS's Head Office, Branches, and Transaction Offices.

12. Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền: Từ ngày 28/07/2026 đến ngày 25/08/2026.

12. Bond subscription period and Bond purchase payment period: From July 28, 2026 to August 25, 2026.

13. Ngày kết thúc đợt chào bán: 25/08/2026.

13. End date of the offering: August 25, 2026.

14. Ngày dự kiến chuyển giao trái phiếu: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc việc chào bán.

14. Expected date of bond transfer: Within 30 days from the end of the offering.

III. Kết quả chào bán trái phiếu / Results of the bond offering

1. Kết quả chào bán trái phiếu kỳ hạn 01 năm/ Results of the 1-year tenor bond offering.

Đối tượng mua trái phiếu <i>Bond buyers</i>	Giá chào bán (đồng/ trái phiếu) <i>Offering price (VND/bond)</i>	Số trái phiếu chào bán <i>Number of bonds offered</i>	Số trái phiếu đăng ký mua <i>Number of bonds registered for purchase</i>	Số trái phiếu được phân phối <i>Number of bonds distributed</i>	Số nhà đầu tư đăng ký mua <i>Number of investors registered to buy</i>	Số nhà đầu tư được phân phối <i>Number of distributed investors</i>	Số nhà đầu tư không được phân phối <i>Number of undistributed investors</i>	Số trái phiếu còn lại <i>Number of remaining bonds</i>	Tỷ lệ trái phiếu được phân phối <i>Distribution ratio</i>
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10=5/3
1. Nhà đầu tư trong nước. <i>Domestic investors.</i>	100.000 <i>100,000</i>	3.000.000 <i>3,000,000</i>	2.000.000 <i>2,000,000</i>	2.000.000 <i>2,000,000</i>	1 <i>1</i>	1 <i>1</i>	0 <i>0</i>	1.000.000 <i>1,000,000</i>	66,67% <i>66.67%</i>
2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. <i>Foreign investors, Economic organizations with foreign investors holding more than 50% of the charter capital.</i>	100.000 <i>100,000</i>	3.000.000 <i>3,000,000</i>	0 <i>0</i>	0 <i>0</i>	0 <i>0</i>	0 <i>0</i>	0 <i>0</i>	3.000.000 <i>3,000,000</i>	0% <i>0%</i>
TỔNG TOTAL			2.000.000 2,000,000	2.000.000 2,000,000	1 1	1 1	0 0		66,67% 66.67%

2. Kết quả chào bán trái phiếu kỳ hạn 02 năm/ Results of the 2-year tenor bond offering.

Đối tượng mua trái phiếu <i>Bond buyers</i>	Giá chào bán (đồng/ trái phiếu) <i>Offering price (VND/bond)</i>	Số trái phiếu chào bán <i>Number of bonds offered</i>	Số trái phiếu đăng ký mua <i>Number of bonds registered for purchase</i>	Số trái phiếu được phân phối <i>Number of bonds distributed</i>	Số nhà đầu tư đăng ký mua <i>Number of investors registered to buy</i>	Số nhà đầu tư được phân phối <i>Number of distributed investors</i>	Số nhà đầu tư không được phân phối <i>Number of undistributed investors</i>	Số trái phiếu còn lại <i>Number of remaining bonds</i>	Tỷ lệ trái phiếu được phân phối <i>Distribution ratio</i>
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10=5/3
1. Nhà đầu tư trong nước. <i>Domestic investors.</i>	100.000 <i>100,000</i>	3.000.000 <i>3,000,000</i>	1.000.000 <i>1,000,000</i>	1.000.000 <i>1,000,000</i>	1 <i>1</i>	1 <i>1</i>	0 <i>0</i>	2.000.000 <i>2,000,000</i>	33,33% <i>33.33%</i>
2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ <i>Foreign investors, Economic organizations with foreign investors holding more than 50% of the charter capital</i>	100.000 <i>100,000</i>	3.000.000 <i>3,000,000</i>	0 <i>0</i>	0 <i>0</i>	0 <i>0</i>	0 <i>0</i>	0 <i>0</i>	3.000.000 <i>3,000,000</i>	0%
TỔNG <i>TOTAL</i>			1.000.000 <i>1,000,000</i>	1.000.000 <i>1,000,000</i>	1 <i>1</i>	1 <i>1</i>	0 <i>0</i>		33,33% <i>33.33%</i>

3. Kết quả chào bán trái phiếu kỳ hạn 03 năm/ Results of the 3-year tenor bond offering.

Đối tượng mua trái phiếu <i>Bond buyers</i>	Giá chào bán (đồng/ trái phiếu) <i>Offering price (VND/bond)</i>	Số trái phiếu chào bán <i>Number of bonds offered</i>	Số trái phiếu đăng ký mua <i>Number of bonds registered for purchase</i>	Số trái phiếu được phân phối <i>Number of bonds distributed</i>	Số nhà đầu tư đăng ký mua <i>Number of investors registered to buy</i>	Số nhà đầu tư được phân phối <i>Number of distributed investors</i>	Số nhà đầu tư không được phân phối <i>Number of undistributed investors</i>	Số trái phiếu còn lại <i>Number of remaining bonds</i>	Tỷ lệ trái phiếu được phân phối <i>Distribution ratio</i>
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10=5/3
1. Nhà đầu tư trong nước <i>Domestic investors</i>	100.000 <i>100,000</i>	4.000.000 <i>4,000,000</i>	1.000.000 <i>1,000,000</i>	1.000.000 <i>1,000,000</i>	1 <i>1</i>	1 <i>1</i>	0 <i>0</i>	3.000.000 <i>3,000,000</i>	25,00% <i>25.00%</i>
2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ <i>Foreign investors, Economic organizations with foreign investors holding more than 50% of the charter capital</i>	100.000 <i>100,000</i>	4.000.000 <i>4,000,000</i>	2.000.000 <i>2,000,000</i>	2.000.000 <i>2,000,000</i>	1 <i>1</i>	1 <i>1</i>	0 <i>0</i>	2.000.000 <i>2,000,000</i>	50,00% <i>50.00%</i>
TỔNG <i>TOTAL</i>			3.000.000 <i>3,000,000</i>	3.000.000 <i>3,000,000</i>	2 <i>2</i>	2 <i>2</i>	0 <i>0</i>		75,00% <i>75.00%</i>

Trường hợp có bảo lãnh phát hành, nêu kết quả phân phối trái phiếu cho tổ chức bảo lãnh phát hành theo cam kết tại hợp đồng (số lượng, giá, trường hợp có tổ hợp bảo lãnh thì nêu từng tổ chức).
In case of underwriting, state the results of bond distribution to the underwriter as committed in the contract (quantity, price, in case of an underwriting syndicate, specify each organization).

IV. Tổng hợp kết quả đợt chào bán trái phiếu / Summary of the bond offering results

1. Tổng số trái phiếu đã phân phối: **6.000.000 trái phiếu** (Bằng chữ: Sáu triệu trái phiếu), tương đương 60% tổng số trái phiếu chào bán, trong đó:

1. Total number of distributed bonds: 6,000,000 bonds (In words: Six million bonds), equivalent to 60% of the total bonds offered, including:

a. Trái phiếu có kỳ hạn 01 năm là: 2.000.000 trái phiếu (Bằng chữ: Hai triệu trái phiếu).

a. Bonds with a 01-year term: 2,000,000 bonds (In words: Two million bonds).

b. Trái phiếu có kỳ hạn 02 năm là: 1.000.000 trái phiếu (Bằng chữ: Một triệu trái phiếu).

b. Bonds with a 02-year term: 1,000,000 bonds (In words: One million bonds).

c. Trái phiếu có kỳ hạn 03 năm là: 3.000.000 trái phiếu (Bằng chữ: Ba triệu trái phiếu).

c. Bonds with a 03-year term: 3,000,000 bonds (In words: Three million bonds).

2. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 600.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng).

2. Total proceeds from the offering: 600,000,000,000 VND (In words: Six hundred billion dong)

a. Trái phiếu có kỳ hạn 01 năm là: 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng).

a. Bonds with a 01-year term: 200,000,000,000 VND (In words: Two hundred billion dong).

b. Trái phiếu có kỳ hạn 02 năm là: 100.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).

b. Bonds with a 02-year term: 100,000,000,000 VND (In words: One hundred billion dong).

c. Trái phiếu có kỳ hạn 03 năm là: 300.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).

c. Bonds with a 03-year term: 300,000,000,000 VND (In words: Three hundred billion dong).

3. Tổng chi phí: 225.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng)

3. Total expenses: : 225,000,000 VND (In words: Two hundred twenty-five million dong).

- Phí bảo lãnh phát hành (nếu có): 0 đồng.

- Underwriting fee (if any): 0 VND.

- Phí phân phối trái phiếu (nếu có): 0 đồng.

- Bond distribution fee (if any): 0 VND.

- Phí kiểm toán (nếu có): 0 đồng.

- Audit fee (if any): 0 VND.

- Chi phí khác (nếu có): 225.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng)

- Other expenses (if any): 225,000,000 VND (In words: Two hundred twenty-five million dong).

+ Phí đại diện người sở hữu trái phiếu: 200.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng)

+ Bondholders' Representative Fee: 200,000,000 VND (In words: Two hundred million dong)

+ Phí cấp phép chào bán trái phiếu ra công chúng: 25.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng)

+ Public Bond Offering Licensing Fee: 25,000,000 VND (In words: Twenty-five million dong)

4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 599.775.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi chín tỷ, bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

4. Total net proceeds from the offering: 599,775,000,000 VND (In words: Five hundred ninety-nine billion, seven hundred seventy-five million dong).

V. Cơ cấu vốn của Tổ chức phát hành sau đợt chào bán / Capital structure of the Issuer after the offering.

Chỉ tiêu Indicators	Trước đợt chào bán (30/06/2026) Pre-offering (30/06/2026)	Sau đợt chào bán (25/08/2026) Post-offering (25/08/2026)
1. Tổng nợ Total debt	24.325.257.468.048 24,325,257,468,048	24.725.257.468.048 24,725,257,468,048
- Nợ ngắn hạn Short-term debt	24.125.244.468.048 24,125,244,468,048	24.325.244.468.048 24,325,244,468,048
Trong đó: trái phiếu ngắn hạn Short-term bonds	0 0	200.000.000.000 200,000,000,000
- Nợ dài hạn Long-term debt	200.013.000.000 200,013,000,000	400.013.000.000 400,013,000,000
Trong đó: trái phiếu dài hạn Long-term bonds	200.000.000.000 200,000,000,000	400.000.000.000 400,000,000,000
2. Tổng vốn chủ sở hữu Total equity	14.737.192.288.376 14,737,192,288,376	14.737.192.288.376 14,737,192,288,376
3. Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu Debt/equity ratio	1,65 1.65	1,68 1.68

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán giữa niên độ 2026 của ACBS. Số liệu sau ngày phát hành (25/08/2026) = Số liệu ngày 30/06/2026 + Tổng giá trị trái phiếu đã phát hành thành công – Mua lại 200 tỷ đồng đã phát hành).

(Source: ACBS's Reviewed Interim Consolidated Financial Statements for the First Half of 2026. Post-issuance figures (as of August 25, 2026) = Figures as of June 30, 2026 + Total value of successfully issued bonds – Repurchased bonds worth VND 200 billion).

VI. Tài liệu gửi kèm / Attached documents

- Văn bản xác nhận của ngân hàng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán;

- Confirmation document from the bank/branch of a foreign bank where the escrow account is opened regarding the amount collected from the offering;

- Tài liệu khác (nếu có).

- Other documents (if any).

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
ACB SECURITIES COMPANY

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
LEGAL REPRESENTATIVE
OR AUTHORIZED PERSON



Nguyễn Đức Hoàn
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH
NAM KỲ KHỞI NGHĨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3117.../GXN-BIDV.NKKN

TP. HCM, ngày 25 tháng 08 năm 2026

GIẤY XÁC NHẬN

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (“**BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa**”) xác nhận như sau:

A. Thông tin khách hàng

Tên chủ tài khoản:	Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Địa chỉ:	Tầng 3 Leman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
Giấy phép hoạt động số:	06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 06 năm 2000
Giấy phép điều chỉnh số:	62/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 05 năm 2026
Số tài khoản phong tỏa nhận tiền đặt mua trái phiếu:	8660006995
Mở tại:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

B. Số tiền phong tỏa và điều kiện giải tỏa

BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa xác nhận số tiền trên tài khoản số 8660006995 của Công ty TNHH Chứng khoán ACB mở tại BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa cụ thể như sau:

- Số dư tài khoản trước ngày bắt đầu nhận tiền mua trái phiếu ACBS phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026 – Đợt 1 (ngày 28/07/2026): **2.594.946 VND (Bằng chữ: Hai triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng)**

- Tại thời điểm 17 giờ 00 phút, ngày 25/08/2026. BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa xác nhận số dư trên Tài khoản phong tỏa số 8660006995 của Công ty TNHH Chứng khoán ACB mở tại BIDV là **600.008.020.490 VND (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ, tám triệu, hai mươi nghìn, bốn trăm chín mươi đồng)**, trong đó:

- Số tiền thu được từ đặt mua trái phiếu ACBS phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026 (Đợt 1) là: **600.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng)**
- Số tiền còn lại là 8.020.490 VND, gồm (i) 2.594.946 VND là số dư tài khoản trước ngày bắt đầu nhận tiền mua trái phiếu phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026 - Đợt 1 (28/07/2026); (ii) 5.425.544 VND là số tiền lãi không kỳ hạn.

Toàn bộ số tiền **600.000.000.000 VND** đang được phong tỏa tại BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa và chỉ thực hiện giải tỏa khi BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa nhận được đồng thời các tài liệu sau đây:

- Bản gốc hoặc bản sao công chứng Văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) về việc nhận được Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu của ACBS;
- Bản gốc Giấy yêu cầu chấm dứt phong tỏa của ACBS đề nghị BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa giải tỏa tài khoản nhận tiền đặt mua trái phiếu.

Giấy xác nhận được lập thành 05 bản: 01 bản nộp UBCKNN, ACBS giữ 03 bản, BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa giữ 01 bản.

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA



PHÓ GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Sơn